

KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHÓA 257

TRƯỜNG CAO ĐẲNG HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2					L1	L2																		
1	C49GDMNQ0026	Phan Thị Hoàng Anh	Nữ	10/04/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.9	Khá	
2	C49GDMNQ0001	Trương Trần Bảo Châu	Nữ	03/12/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
3	C49GDMNQ0002	Võ Lê Hoài Châu	Nữ	02/01/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.1	10.0	9.0	9.0	9.3	2.0	.	10.0	8.0	8.0	8.5	6.0	7.0	.		
4	C49GDMNQ0003	Trần Thị Diệu	Nữ	30/01/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.6	Khá	
5	C49GDMNQ0028	Đinh Hương Giang	Nữ	03/10/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
6	C49GDMNQ0004	Mai Ngọc Thanh Hà	Nữ	26/09/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá	
7	C49GDMNQ0005	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	02/05/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
8	C49GDMNQ0006	Lê Thị Mỹ Hương	Nữ	29/10/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	5.0	8.0	7.0	6.8	0.0	.	.		
9	C49GDMNQ0007	Lê Thị Bảo Kim	Nữ	11/08/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
10	C49GDMNQ0008	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	19/05/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
11	C49GDMNQ0027	Hồ Huỳnh Khánh Linh	Nữ	09/09/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	7.9	Khá	
12	C49GDMNQ0009	A Kơ Thị Lữ	Nữ	14/09/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá	
13	C49GDMNQ0010	Hồ Thị Quỳnh Mận	Nữ	23/04/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
14	C49GDMNQ0011	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	29/04/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
15	C49GDMNQ0012	Ái Lê Ngân Nga	Nữ	19/09/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		
16	C49GDMNQ0013	Hồ Thị Ánh Ngọc	Nữ	07/02/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	9.0	10.0	9.4	8.0	8.6	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
17	C49GDMNQ0014	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	30/01/2006	TT Huế	GDMN K49	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	8.0	9.0	8.9	8.0	8.4	10.0	8.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.3	Khá	
18	C49GDMNQ0016	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	01/01/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
19	C49GDMNQ0030	Trần Thị Khánh Ny	Nữ	02/06/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
20	C49GDMNQ0017	Nguyễn Thị Châu Quỳnh	Nữ	12/10/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
21	C49GDMNQ0018	Trần Thị Thanh	Nữ	14/09/2006	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
22	C49GDMNQ0025	Lê Thị Thu	Nữ	15/01/2001	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
23	C49GDMNQ0029	Nguyễn Hữu Uyên Thư	Nữ	09/04/2007	TT Huế	GDMN K49	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	3.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	.		

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2					L1	L2																		
24	C49GDMNQ0020	Nguyễn Lê Bảo Trâm	Nữ	07/06/2007	TT Huế	GDMN K49	9,0	8,0	8,0	8,2	7,0	7,4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,8	9,0	8,0	9,0	8,8	9,0	8,9	7,9	Khá	
25	C49GDMNQ0019	Hồ Thị Mỹ Trâm	Nữ	22/11/2005	TT Huế	GDMN K49	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	8,0	9,0	8,4	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,1	Khá	
26	C49GDMNQ0021	Cao Trịnh Hà Phương Trinh	Nữ	29/10/2007	TT Huế	GDMN K49	10,0	8,0	8,0	8,4	8,0	8,1	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,6	10,0	8,0	9,0	8,9	7,0	7,8	10,0	7,0	8,0	8,3	5,0	6,3	7,5	Khá	
27	C49GDMNQ0022	Hồ Thị Kim Tuyền	Nữ	25/10/2007	TT Huế	GDMN K49	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,3	9,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	9,0	8,0	8,0	8,3	8,0	8,1	8,0	Khá	
28	C49GDMNQ0023	Trương Thị Nhật Vy	Nữ	06/03/2007	TT Huế	GDMN K49	9,0	8,0	8,0	8,2	8,0	8,1	8,0	9,0	8,0	8,4	7,0	7,4	9,0	9,0	8,0	8,6	7,0	7,7	9,0	7,0	9,0	8,5	9,0	8,8	8,0	Khá	

Ấn định danh sách 28 sinh viên

Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Thiện

TRƯỞNG PHÒNG ĐT, QLSV

Nguyễn Thanh Lạng

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Hoàng Thị Lý